

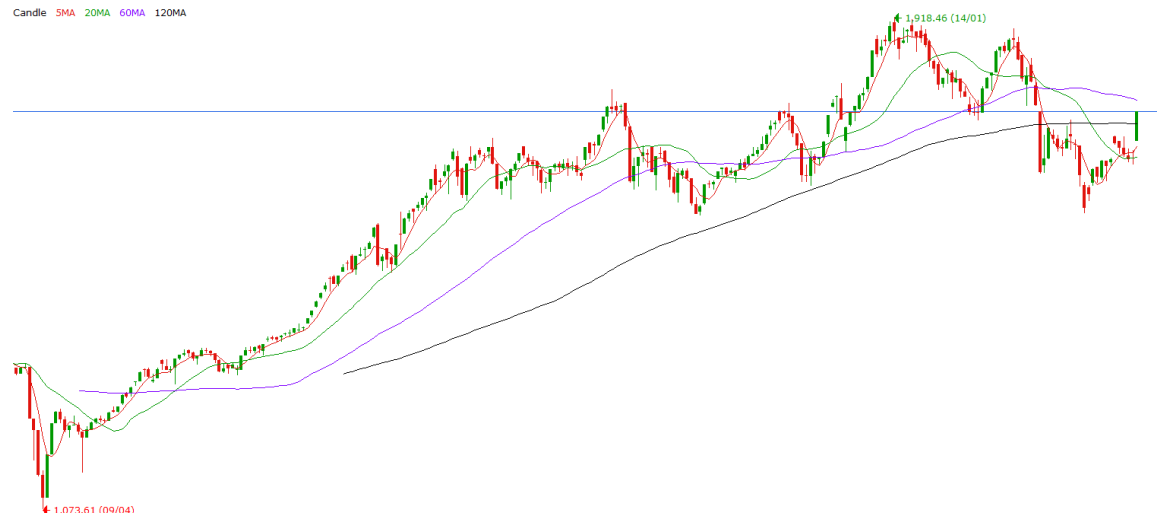
# BẢN TIN HÀNG NGÀY

08 tháng 4 năm 2026



## Vn-Index bùng nổ với mức tăng 79 điểm

- Vn-Index mở cửa đã tăng mạnh hơn 40 điểm, sau đó tiếp tục tăng trong thời gian còn lại và đóng cửa tăng 79 điểm
- Hầu hết các mã đều tăng, trong đó có tới 25 mã tăng trần
- Bất động sản và chứng khoán là 2 nhóm ngành tăng mạnh nhất
- Tóm lại, thị trường bùng nổ trên diện rộng với thanh khoản cao
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng tới 118% so với ngày trước đó

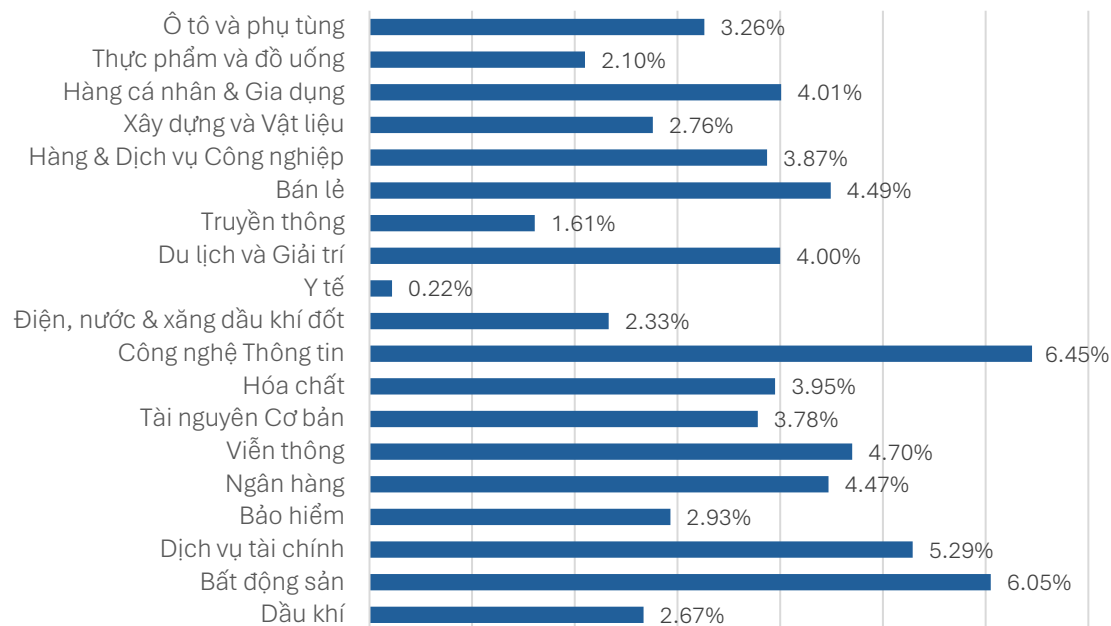


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,756.6	253.3	127.7
(+/-)	79.01	6.62	2.06
(%)	4.71%	2.68%	1.64%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	1,257	108	59
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	34,921	1,980	663
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(614)	(12)	(5)
Số mã tăng	322	122	186
Số mã giảm	27	42	79
Số mã giá không đổi	26	50	71

# 1.

## Nhận định thị trường

- Thị trường mở cửa với 2 thông tin rất tốt là: FTSE chính thức nâng hạng TTCK VN, và Mỹ - Iran ngừng bắn 2 tuần, kéo theo đó là giá dầu giảm sâu 14-15%
- Theo chúng tôi, đa phần cổ phiếu đã giảm rất sâu trước đó, hôm nay mới chỉ là phiên bùng nổ đầu tiên kéo dòng tiền trở lại
- Vn-Index cũng đã xác nhận vượt hẳn lên khỏi vùng MA200
- Kháng cự trước mắt là tại vùng 1,800 điểm
- NĐT tiếp tục mua vào trong ngày mai, có lẽ tạm dừng mua khi Vn-Index đạt khoảng 1,780 điểm
- Nhóm chứng khoán và bất động sản là 2 nhóm ngành mạnh nhất hiện tại.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.07	1.78
2	Nguyên vật liệu	16.49	1.65
3	Công nghiệp	13.41	1.87
4	Hàng Tiêu dùng	15.11	2.40
5	Dược phẩm và Y tế	16.56	1.66
6	Dịch vụ Tiêu dùng	21.70	3.65
7	Viễn thông	25.90	6.27
8	Tiện ích Cộng đồng	13.01	1.76
9	Tài chính	17.65	2.45
10	Ngân hàng	9.09	1.50
11	Công nghệ Thông tin	13.51	2.83

## 2.

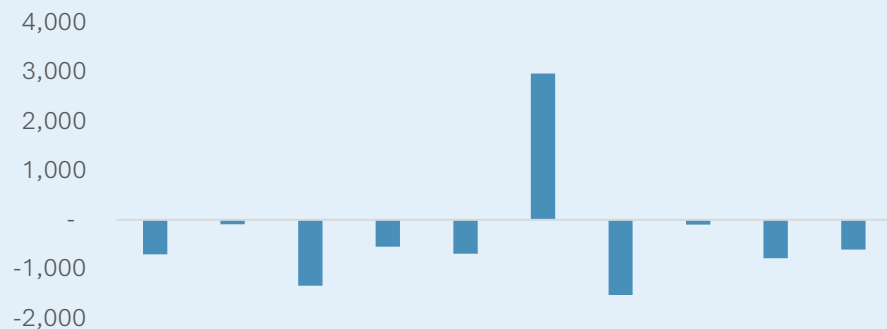
## Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
STB	6.97%	VRE	6.98%	VDS	6.97%	HAG	4.50%	BMP	6.99%	HPG	4.48%	HNA	4.55%	GVR	5.40%
TCB	6.97%	VIC	6.97%	SSI	6.91%	DBC	4.46%	PC1	5.81%	NKG	4.43%	GEG	4.00%	PHR	4.13%
OCB	6.42%	VHM	6.96%	VND	6.85%	ANV	4.01%	CII	5.03%	PTB	4.33%	POW	4.00%	AAA	3.65%
VPB	5.95%	DXS	6.95%	VIX	6.78%	MSN	3.46%	VCG	4.22%	HSG	3.78%	NT2	3.97%	DPR	3.63%
MSB	5.63%	DXG	6.83%	VCI	6.62%	SAB	3.06%	CTR	3.93%	DHC	3.36%	GAS	3.36%	DPM	3.40%
CTG	5.34%	TCH	6.81%	CTS	5.83%	VNM	2.62%	HHV	3.81%	ACG	3.03%	PGV	2.55%	CSV	2.82%
BID	5.20%	NVL	6.78%	TVS	5.66%	ASM	2.48%	CTD	3.77%			REE	2.30%	DGC	2.77%
HDB	4.98%	DIG	6.25%	DSE	5.43%	FMC	2.13%	VGC	3.15%			PGD	1.70%	DCM	2.14%
TPB	4.76%	NLG	5.96%	AGR	5.15%	KDC	2.09%	HTI	2.06%			PPC	1.47%	VFG	1.21%
EIB	4.30%	PDR	5.73%	HCM	4.74%	BAF	2.01%					BWE	0.47%		
SHB	4.08%	HDC	5.59%	FTS	3.53%	PAN	1.75%					SHP	0.44%		
MBB	3.91%	KBC	5.35%	EVF	3.33%	MCM	1.57%					CHP	0.18%		
VIB	3.89%	KDH	4.60%	DSC	3.03%	VHC	0.85%					TMP	0.00%		
ACB	3.88%	SZC	3.62%	BSI	2.98%	VCF	0.67%					TDM	0.00%		
VCB	3.79%	HDG	3.42%	ORS	2.60%	SBT	0.46%					VSH	0.00%		
NAB	3.07%	BCM	3.38%			BHN	0.17%								
SSB	1.19%	QCG	2.27%												
LPB	-1.04%	IJC	2.00%												
		CRE	1.52%												
		SIP	1.49%												
		VPI	0.69%												
		SJS	0.61%												
		KOS	0.00%												

## 3.

## Giao dịch khối ngoại

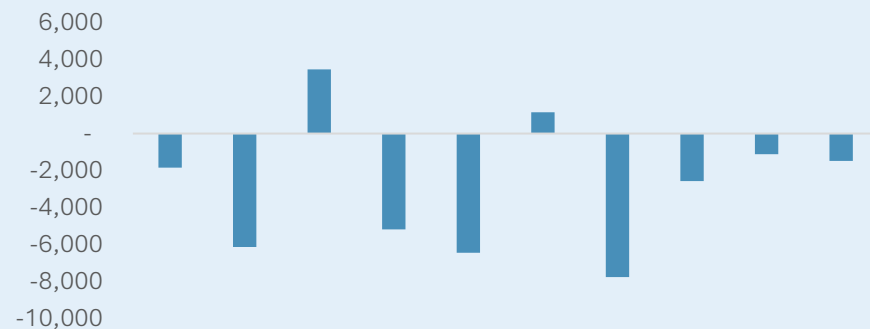
Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HPG	HOSE	385.30	53.48	331.83
2	FPT	HOSE	179.11	61.75	117.36
3	ACB	HOSE	104.38	19.79	84.59
4	TCB	HOSE	111.16	38.43	72.72
5	GMD	HOSE	138.90	67.65	71.25
6	SSI	HOSE	113.45	50.28	63.17
7	STB	HOSE	67.24	15.28	51.95
8	VIX	HOSE	97.29	46.11	51.18
9	VCI	HOSE	55.22	6.00	49.22
10	VRE	HOSE	46.66	2.93	43.73
11	CTG	HOSE	67.23	24.95	42.28
12	TPB	HOSE	41.29	1.70	39.59
13	TCH	HOSE	42.62	3.15	39.47
14	GAS	HOSE	41.31	2.10	39.21
15	DGW	HOSE	38.27	1.15	37.12

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VIC	HOSE	76.38	1,243.41	- 1,167.04
2	MBB	HOSE	116.38	417.50	- 301.12
3	VCB	HOSE	63.17	274.45	- 211.28
4	HDB	HOSE	55.08	162.49	- 107.42
5	VGC	HOSE	1.94	44.16	- 42.22
6	FRT	HOSE	25.79	61.38	- 35.59
7	BMP	HOSE	6.79	40.62	- 33.83
8	BSR	HOSE	59.36	91.75	- 32.39
9	HCM	HOSE	9.70	39.14	- 29.44
10	VPB	HOSE	97.16	124.23	- 27.07
11	BID	HOSE	40.52	61.59	- 21.07
12	PVS	HNX	17.96	34.83	- 16.87
13	VHM	HOSE	256.47	272.13	- 15.66
14	MSN	HOSE	121.66	137.01	- 15.35
15	SZC	HOSE	0.55	15.79	- 15.24

## 4.

## Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	109.27	-0.46%	-7.67%	79.57%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	96.58	-15.16%	-4.73%	68.20%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,831.90	3.71%	3.42%	11.70%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,106	-0.01%	0.00%	-0.06%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,361	-0.01%	0.00%	-0.06%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	27,100	0.00%	-1.63%	1.04%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	5.50%	-3.08%	-4.07%	3.73%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.45%	0.00%	0.01%	0.38%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.54%	0.00%	0.00%	0.36%

#### Chính thức xác nhận lộ trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam

Sáng nay FTSE Russell đã công bố kết quả rà soát giữa kỳ trong khuôn khổ kỳ đánh giá phân loại thị trường chứng khoán tháng 3/2026 chính thức xác nhận giữ nguyên lộ trình nâng hạng Việt Nam từ Thị trường Cận biên (Frontier Market) lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market) đã được công bố vào tháng 10/2025. Việc phân bổ cổ phiếu Việt Nam vào các rổ chỉ số của FTSE chính thức triển khai từ ngày 21/9/2026 và hoàn tất vào tháng 9/2027.

#### Giá dầu giảm xuống dưới 100 USD/thùng sau thỏa thuận ngừng bắn kéo dài hai tuần giữa Mỹ và Iran

Giá dầu giảm mạnh sau khi Tổng thống Donald Trump đồng ý tạm dừng các cuộc tấn công nhằm vào Iran trong hai tuần, đổi lại Tehran cho phép tàu thuyền đi qua an toàn tại Eo biển Hormuz.

Ngoài ra chứng khoán cũng tăng trên diện rộng do tâm lý nhà đầu tư được cải thiện, các thị trường Châu Á đều tăng 2%-5%, trong đó chỉ số Kospi tăng hơn 5%, Nikkei tăng 4%.

## 5.

## Bản tin doanh nghiệp



Điện Máy Xanh (DMX) vừa ghi nhận doanh thu lũy kế ba tháng đầu năm đạt hơn 32.400 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ 202

CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (DMX) công bố kết quả kinh doanh 3 tháng đầu năm 2026 với doanh thu đạt 32.416 tỷ đồng, tăng 33% so với cùng kỳ và hoàn thành 26% kế hoạch năm. Đà tăng trưởng được ghi nhận đồng đều trên tất cả các chuỗi và nhóm sản phẩm chính.

Ngoài ra theo TGD MWG, hiện MWG đang hoàn tất hồ sơ để đưa Điện Máy Xanh lên sàn, với kỳ vọng hoàn thành ngay trong năm 2026.



Lợi nhuận 2026 dự kiến giảm 34%, CII dồn lực cho danh mục hạ tầng 21 tỷ USD

Năm 2026, CII đặt mục tiêu tổng doanh thu đạt 3.720 tỷ đồng, giảm gần 5% so với năm 2025. Chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 225 tỷ đồng, giảm 34%. Kế hoạch thận trọng này được đặt ra trong bối cảnh công ty dồn toàn lực cho danh mục đầu tư quy mô gần 540.000 tỷ đồng (tương đương khoảng 21 tỷ USD).

Ngoài các dự án đang triển khai, CII đang theo đuổi danh mục tiềm năng với tâm điểm là siêu dự án đô thị TOD tại khu vực Hàng Xanh (108,4 ha, TMĐT hơn 480 nghìn tỷ đồng)



Dragon Capital tăng sở hữu lên hơn 10% vốn tại Taseco Land (TAL)

Dragon Capital vừa thực hiện các giao dịch mua và bán cổ phiếu TAL tăng tỷ lệ sở hữu lên 10,0085% vốn tại Taseco Land.

Năm 2025, TAL đặt mục tiêu kế hoạch kinh doanh với doanh thu hợp nhất dự kiến đạt 11.062,6 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 2.512,5 tỷ đồng, lần lượt gấp 3 lần và 3,7 lần kết quả đã thực hiện được trong năm 2025.

Năm 2026, TAL dự kiến chi trả cổ tức với tỷ lệ từ 30% - 40%, trong đó tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt tối đa 15%.

## 6.

### Lịch sự kiện

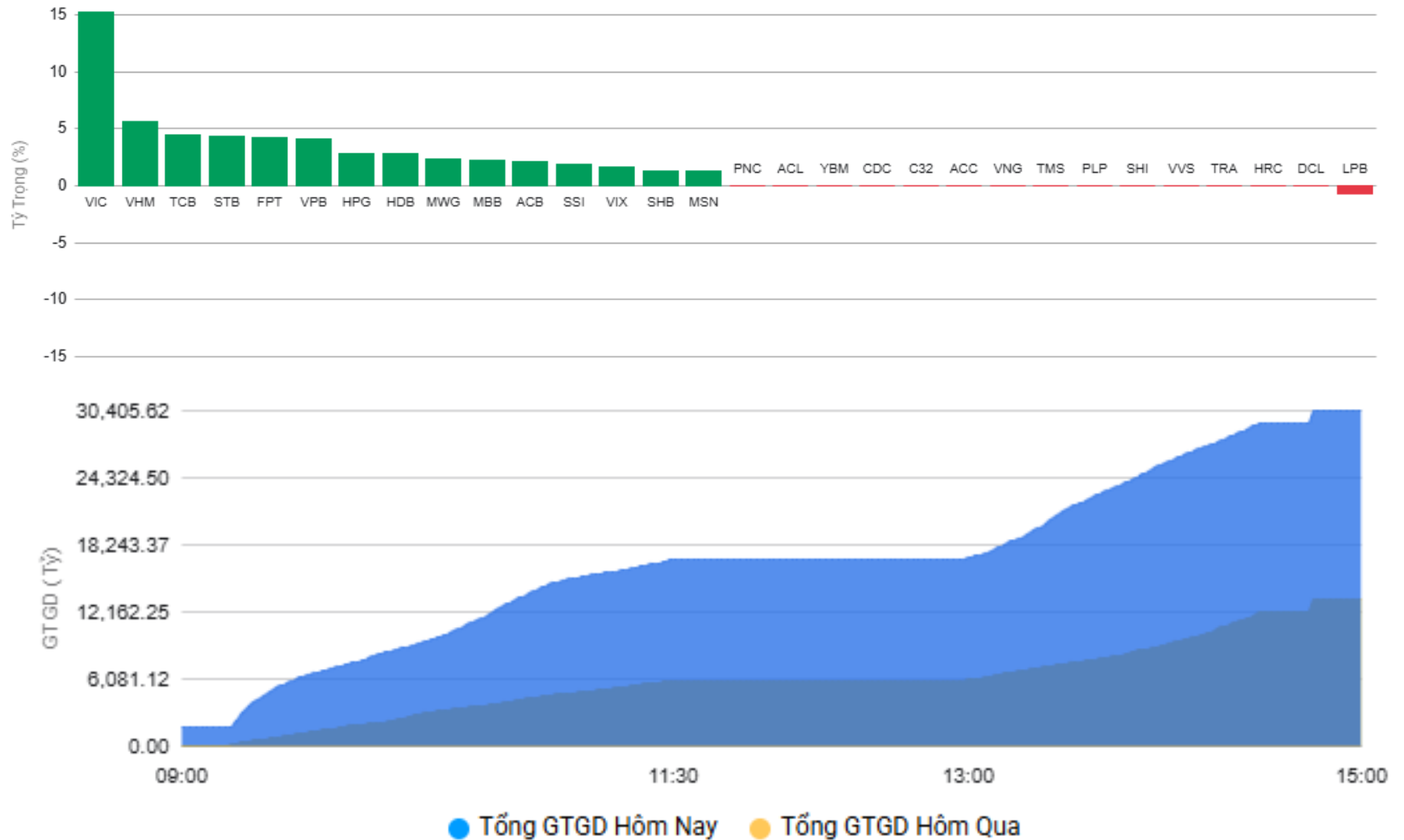
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
NBE	09/04/2026	16/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	11.00%	1,100
PTM	10/04/2026	17/04/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
TDM	14/4/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13.00%	1,300
BNW	15/04/2026	14/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	6.00%	600
BWA	16/04/2026	15/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.50%	450
NAG	16/04/2026	16/04/2026	Phát hành cổ phiếu	2:1	10,000
CDC	17/04/2026	17/04/2026	Phát hành cổ phiếu	1:1	10,000

# 7.

## Số liệu thị trường

### NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



## 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (08/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	16/01/2026	31,684	27,600	14.8%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
TPB	1/7/2024	23/03/2026	19,405	16,500	42.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
TCB	12/8/2024	25/03/2026	40,300	30,700	20.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
MBB	29/8/2024	26/12/2025	26,907	26,600	1.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
ACB	23/9/2024	20/03/2026	30,650	24,100	19.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,350	22.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
CTG	28/11/2024	27/03/2026	46,600	35,500	13.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VCB	24/2/2025	31/12/2025	64,040	60,200	6.4%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
BID	20/3/2025	17/3/2026	43,088	41,450	15.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
STB	14/5/2025	31/03/2026	68,700	66,000	-11.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	28,000	22.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HSG	14/02/2025	11/11/2025	17,700	15,100	17.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,150	12.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
GMD	27/05/2025	27/2/2026	73,340	74,500	20.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VSC	18/06/2025	6/3/2026	25,140	25,400	8.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HAH	31/3/2025	5/3/2026	69,420	56,400	33.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>

## 8.

## Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (08/04/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	29,350	53.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	26,150	60.6%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	14,850	40.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,540	59.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	33,450	21.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	55,000	50.9%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	27,600	8.7%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	123,000	-29.1%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,900	28.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,704	16,600	12.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PVT	17/7/2025	10/3/2026	21,870	22,000	35.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
VCG	29/8/2025	18/3/2026	26,800	22,250	6.5%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
CTD	24/9/2025	13/3/2026	89,000	82,500	6.2%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	153,100	11.0%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	81,900	31.3%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	32,950	22.9%	<a href="#">Link</a>	<a href="#">Link</a>

### Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

